

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/ HNGĐ-ST

Ngày: 18 tháng 9 năm 2018

“V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 63/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018, về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1993;

Địa chỉ: tổ K, phường M, thành phố L, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2017, Bản tự khai ngày 25 tháng 7 năm 2018, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07 tháng 7 năm 2017, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28 tháng 6 năm 2018 và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14-10-2015, tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đôi khi xảy ra những mâu thuẫn nhỏ nhặt, nhưng anh B đã không kiềm chế và có 02 lần đánh chị A. Anh B không quan

tâm chăm sóc gia đình trong suốt thời gian chung sống kể cả chị A có thai cũng như khi chị A sinh con. Khoảng tháng 12-2016, sau khi sinh con được 02 tháng, chị A cùng cháu C về nhà mẹ đẻ để sinh sống, cũng từ thời điểm đó vợ chồng sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị A và anh B có 01 con chung, tên C, sinh ngày 09-10-2016. Chị A yêu cầu được nuôi cháu C và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong Bản tự khai ngày 01 tháng 6 năm 2018, bị đơn là Anh B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh B chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

- Về con chung: Anh B và chị A có 01 con chung, tên C, sinh ngày 09-10-2016. Anh B yêu cầu được nuôi con chung vì anh B sẽ chăm sóc tốt hơn và có điều kiện cho con học tập, sinh hoạt tốt hơn. Nếu chị A được nuôi con, anh B chấp nhận cấp dưỡng nuôi con chung là 800.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với Anh B, yêu cầu nuôi con chung là cháu C, sinh ngày 09-10-2016, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Bản gốc Đơn khởi kiện; Bản sao chứng minh nhân dân của chị A; bản sao sổ hộ khẩu của chị A; bản sao giấy chứng nhận kết hôn của chị A và anh B; bản sao Giấy khai sinh C; bản gốc đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải ngày 20-6-2018; bản gốc bản tự khai ngày 20-6-2018; bản gốc đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ việc gửi tài liệu, chứng cứ; Bản gốc bản tự khai ngày 01-6-2018; bản gốc đơn xin vắng mặt ngày 01-6-2018; Bản gốc biên bản xác minh ngày 15-6-2018; Bản gốc biên bản xác minh ngày 09-8-2018;

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Chị A và anh B có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14-10-2015, tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh Gia Lai

Chị A và anh B có 01 con chung, tên C, sinh ngày 09-10-2016

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất:

Chị A và anh B thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Về con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 4 năm 2017 của chị A về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với Anh B có hình thức và nội dung đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh B hiện cư trú tại thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Gia Lai nên việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của chị A của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh B đã được toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà và được toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy toà án nhân dân huyện Ia Grai xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Chị A và anh B có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14-10-2015, tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh Gia Lai. Chị A và anh B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, chị A và anh B đôi khi xảy ra những mâu thuẫn nhỏ nhặt, anh B có 02 lần đánh chị A. Anh B không quan tâm chăm sóc gia đình trong suốt thời gian chung sống kể cả chị A có thai cũng như khi chị A sinh con. Thực tế, anh B và chị A đã sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay, từ khi sống ly thân, giữa anh B và chị A không còn duy trì quan hệ tình cảm vợ chồng, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, bị đơn đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh B và chị A là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A.

[3] Xét yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Chị A và anh B có 01 con chung, tên C, sinh ngày 09-10-2016. Xét thấy cháu C chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện đang ở với chị A. Chị A có điều kiện đảm bảo khả năng nuôi con nên việc giao cháu Khanh cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quá trình phát triển toàn diện, bình thường của cháu C.

Tại phiên toà chị A yêu cầu Anh B cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau,

cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do vậy cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị A. Chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc đối với trẻ em từ 3 tuổi đến 5 tuổi tại địa phương (tổ K, phường M, thành phố L, tỉnh Gia Lai) khoảng 3.000.000 đồng, mức cấp dưỡng mà chị A yêu cầu 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị A.

Về hôn nhân: Chị A ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Giao cháu C, sinh ngày 09-10-2016 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu C thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng: Anh B cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 18/9/2018), chị A là người được nhận tiền cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm

trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc chị A phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0004725 ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Chị A đã nộp đủ. Buộc Anh B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/9/2018), Anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- UBND phường M, thành phố L;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Quảng